BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được soát xét)

Scanned with CamScanner

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 25
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 25

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900100942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2008 và thay đổi lần thứ 03 ngày 10 tháng 09 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 20 đường 17/10, phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên của Hội đồng Thành viên trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Bùi Văn Phượng	Chủ tịch

Thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Dương Công Nam	Phó Giám đốc

Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là:

Bà Liễu Thị Yến	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Scanned with CamScanner

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp .

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 07 năm 2021

TM. Ban Lãnh đạo
Chủ tịch

M.S.D.N: 4900100942 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN
TP. LẠNG SƠN - T. LẠNG SƠN

Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner

Số: 290721.008/BCTC.KT1

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Lãnh đạo**
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn được lập ngày 29 tháng 07 năm 2021, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Scanned with CamScanner

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Vũ Xuân Biển

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0743-2018-002-1

Scanned with CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**5.266.843.576**	**5.910.148.389**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**3.966.060.425**	**4.849.765.238**
312	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	822.090.677	785.563.437
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	837.106.790	1.015.748.795
314	3. Phải trả người lao động		323.408.930	890.478.860
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	12	338.809.870	201.859.988
321	5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	13	1.552.252.376	1.552.252.376
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		92.391.782	403.861.782
330	**II. Nợ dài hạn**		**1.300.783.151**	**1.060.383.151**
337	1. Phải trả dài hạn khác	12	1.300.783.151	1.060.383.151
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**23.788.556.653**	**23.489.646.667**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	15	**23.788.556.653**	**23.489.646.667**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		22.499.330.982	22.499.330.982
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		990.315.685	990.315.685
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		298.909.986	-
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*298.909.986*	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**29.055.400.229**	**29.399.795.056**

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
			VND	VND
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		373.637.483	164.522.267
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	74.727.497	33.084.203
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		298.909.986	131.438.064

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN
M.S.D.N: 4900100942 - C.T.T.N.H - TP. LẠNG SƠN - T. LẠNG SƠN

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		21.774.617.956	18.499.103.550
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(800.686.523)	(666.846.199)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.519.962.218)	(2.388.704.847)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(52.908.768)	(37.601.396)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.796.734.053	624.244.691
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.452.451.555)	(17.448.038.295)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		*(254.657.055)*	*(1.417.842.496)*
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.220.546.472)	(5.104.358.449)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		546.000.000	7.445.449.393
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		190.098.900	385.650.613
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		*(3.484.447.572)*	*2.726.741.557*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(3.739.104.627)**	**1.308.899.061**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**7.551.122.522**	**2.102.242.839**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	3	**3.812.017.895**	**3.411.141.900**

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LẠNG SƠN

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lạng Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4900100942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2008 và thay đổi lần thứ 03 ngày 10 tháng 09 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 20 đường 17/10, phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03 ngày 10/09/2018 là 8.200.000.000 VND *(Tám tỷ, hai trăm triệu đồng).* Vốn thực góp của chủ sở hữu tại ngày 30/06/2021 là 22.499.330.982 VND *(Hai mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, ba trăm ba mươi nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng).*

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xổ số.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số Miền Bắc và xổ số lô tô (02, 03, 04 số);
- Kinh doanh nhà khách nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng kí ốt.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Scanned with CamScanner

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:
Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Scanned with CamScanner

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 08 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 - 10 năm
- Phần mềm máy vi tính	05 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

Scanned with CamScanner

Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là tại thời điểm trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính.

Theo quy định tại Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng tối đa đối với xổ số truyền thống là 50%, xổ số bóc biết kết quả ngay là 55% và xổ số lô tô thủ công là 60%.
Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc kỳ kế toán.

Mức trích lập được xác định như sau: **DPtt = DT x TLkh - TTtt**

Trong đó:

- DPtt: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định của từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số;
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Bắc mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang kỳ sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

2.12 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu kinh doanh xổ số

Doanh thu kinh doanh xổ số được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Scanned with CamScanner

Trước thời điểm mở thưởng 30 phút, Công ty thực hiện chốt số lượng vé không tiêu thụ hết được các đại lý trả về và ghi nhận doanh thu tương ứng với lượng vé xổ số thực bán. Tuy nhiên, do đặc thù của nghiệp vụ kinh doanh xổ số, chi phí trả thưởng được ghi nhận theo thời điểm thực chi, do thời gian có hiệu lực của vé trúng giải tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày mở thưởng nên chi phí trả thưởng có thể được ghi nhận vào kỳ kế toán tiếp theo không cùng với kỳ ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ là thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp từ hoạt động kinh doanh xổ số.

2.16 . Chi phí kinh doanh

Chi phí kinh doanh xổ số bao gồm: chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xổ số. Các chi phí này được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17 . Chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho toàn bộ thu nhập tính thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Scanned with CamScanner

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh xổ số. Đồng thời, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	294.635.014	75.157.625
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.157.382.881	5.685.964.897
Các khoản tương đương tiền (i)	2.360.000.000	1.790.000.000
	3.812.017.895	**7.551.122.522**

(i) Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn với lãi suất là 3,3%/năm.

4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	**10.056.298.752**	**-**	**6.381.752.280**	**-**
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.056.298.752	-	6.381.752.280	-
	10.056.298.752	**-**	**6.381.752.280**	**-**

(i) Chi tiết bao gồm:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất/năm	Số dư tại ngày 30/06/2021
			VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn	Từ 06 tháng đến 12 tháng	3,7% - 5,5%	2.921.019.955
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn	06 tháng	3,7%	600.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Lạng Sơn	Từ 06 tháng đến 13 tháng	5,5% - 6,3%	6.535.278.797
			10.056.298.752

Scanned with CamScanner

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xổ số Điện toán Việt Nam	46.632.440	-	24.017.810	-
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	30.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	-	-	22.000.000	-
	76.632.440	**-**	**46.017.810**	**-**

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	13.975.000	-	4.905.000	-
Hội đồng xổ số kiến thiết Miền Bắc	179.270.560	-	179.270.560	-
- *Tiền đóng góp quỹ trả thưởng cố định*	*175.000.000*	-	*175.000.000*	-
- *Tiền đóng góp chi phí in vé xổ số*	*4.270.560*	-	*4.270.560*	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.683.151	-	108.841.086	-
Phải thu khác	11.226.500	-	21.935.500	-
	207.155.211	**-**	**314.952.146**	**-**

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	32.168.000	-	27.100.000	-
Vé xổ số	205.048.372	-	180.944.755	-
- *Vé xổ số truyền thống*	*32.340.300*	-	*32.340.300*	-
- *Vé xổ số bóc*	*58.080.000*	-	*80.670.000*	-
- *Vé xổ số lô tô*	*114.628.072*	-	*67.934.455*	-
	237.216.372	**-**	**208.044.755**	**-**

Scanned with CamScanner

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	16.577.967.478	1.190.376.362	1.430.373.979	169.429.540	19.368.147.359
Số dư cuối kỳ	**16.577.967.478**	**1.190.376.362**	**1.430.373.979**	**169.429.540**	**19.368.147.359**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	2.439.168.672	830.937.007	1.174.800.377	132.223.000	4.577.129.056
- Khấu hao trong kỳ	166.936.056	57.141.222	63.893.412	5.478.000	293.448.690
Số dư cuối kỳ	**2.606.104.728**	**888.078.229**	**1.238.693.789**	**137.701.000**	**4.870.577.746**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	14.138.798.806	359.439.355	255.573.602	37.206.540	14.791.018.303
Tại ngày cuối kỳ	**13.971.862.750**	**302.298.133**	**191.680.190**	**31.728.540**	**14.497.569.613**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 511.970.342 VND.

Scanned with CamScanner

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính có Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2021 lần lượt là 295.580.000 VND và 272.247.000 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 253.580.000 VND.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo trì phần mềm	28.800.000	-
Chi phí bảo trì thang máy	11.100.000	-
Chi phí khác	26.598.000	-
	66.498.000	**-**
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	74.179.146	76.554.240
	74.179.146	**76.554.240**

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Các đại lý xổ số	822.090.677	785.563.437
	822.090.677	**785.563.437**

12 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Hội đồng xổ số kiến thiết Miền Bắc	318.822.189	197.791.305
Đại lý cấp 2 Vietlott	1.805.862	4.068.683
Doanh thu chưa thực hiện	18.181.819	-
	338.809.870	**201.859.988**
b) Dài hạn		
Đại lý đặt cọc bán vé xổ số truyền thống	979.783.151	819.383.151
Đại lý đặt cọc bán vé Vietlott	235.000.000	205.000.000
Đặt cọc thuê ki ốt	86.000.000	36.000.000
	1.300.783.151	**1.060.383.151**

Scanned with CamScanner

13 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỞNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.552.252.376	1.552.252.376
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	**1.552.252.376**	**1.552.252.376**

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	421.450.895	2.457.369.555	2.544.075.744	-	334.744.706
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	556.389.132	3.264.771.819	3.378.526.364	-	442.634.587
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	37.908.768	74.727.497	52.908.768	-	59.727.497
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	157.107.509	157.107.509	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	147.825.600	147.825.600	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	**1.015.748.795**	**6.104.801.980**	**6.283.443.985**	**-**	**837.106.790**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Scanned with CamScanner

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	**22.499.330.982**	**808.315.685**	**-**	**23.307.646.667**
Lãi trong kỳ trước	-	-	131.438.064	131.438.064
Phân phối lợi nhuận	-	-	(30.000.000)	(30.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	**22.499.330.982**	**808.315.685**	**101.438.064**	**23.409.084.731**
Số dư đầu kỳ này	**22.499.330.982**	**990.315.685**	**-**	**23.489.646.667**
Lãi trong kỳ này	-	-	298.909.986	298.909.986
Số dư cuối kỳ này	**22.499.330.982**	**990.315.685**	**298.909.986**	**23.788.556.653**

16 . DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	25.029.917.278	21.456.356.364
- *Xổ số truyền thống*	*8.128.363.636*	*7.417.972.727*
- *Xổ số bóc*	*504.285.455*	*639.740.002*
- *Xổ số lô tô*	*16.397.268.187*	*13.398.643.635*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	328.227.271	139.409.087
Doanh thu khác	354.102.483	362.010.193
	25.712.247.032	**21.957.775.644**

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Xổ số truyền thống	1.060.221.344	967.561.660
- *Thuế TTĐB*	*1.060.221.344*	*967.561.660*
Xổ số bóc	65.776.360	83.444.348
- *Thuế TTĐB*	*65.776.360*	*83.444.348*
Xổ số lô tô	2.138.774.115	1.747.649.167
- *Thuế TTĐB*	*2.138.774.115*	*1.747.649.167*
	3.264.771.819	**2.798.655.175**

Scanned with CamScanner

18 . CHI PHÍ KINH DOANH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí kinh doanh xổ số	18.466.345.046	15.765.733.633
- *Chi phí trả thưởng*	*14.774.299.845*	*12.577.598.983*
- *Chi phí trực tiếp phát hành xổ số*	*3.692.045.201*	*3.188.134.650*
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	348.532.911	209.363.323
	18.814.877.957	**15.975.096.956**

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	84.015.217	198.386.166
	84.015.217	**198.386.166**

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	50.280.000	5.390.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.550.393	253.202.009
	290.830.393	**258.592.009**

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.445.017	71.876.981
Chi phí nhân công	2.224.758.333	2.103.912.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	149.146.356	234.410.626
Thuế, phí và lệ phí	80.161.600	136.952.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.450.804	227.695.549
Chi phí khác bằng tiền	265.182.487	183.548.160
	3.052.144.597	**2.958.396.656**

22 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tiền bán sổ đại lý	4.932.000	-
	4.932.000	**-**

Scanned with CamScanner

23 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	-	898.747
Giá vốn sổ đại lý	4.932.000	-
	4.932.000	**898.747**

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	373.637.483	164.522.267
Các khoản điều chỉnh tăng	-	898.747
- Chi phí không hợp lệ	-	*898.747*
Thu nhập chịu thuế TNDN	373.637.483	165.421.014
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**74.727.497**	**33.084.203**
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	37.908.768	22.601.396
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(52.908.768)	(37.601.396)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	**59.727.497**	**18.084.203**

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.812.017.895	-	7.551.122.522	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	211.655.211	-	314.952.146	-
Các khoản cho vay	10.056.298.752	-	6.381.752.280	-
	14.079.971.858	**-**	**14.247.826.948**	**-**

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.639.593.021	1.262.243.139
	1.639.593.021	**1.262.243.139**

Scanned with CamScanner

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và tương đương tiền	3.812.017.895	-	-	3.812.017.895
Phải thu khách hàng, phải thu khác	211.655.211	-	-	211.655.211
Các khoản cho vay	10.056.298.752	-	-	10.056.298.752
	14.079.971.858	**-**	**-**	**14.079.971.858**
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và tương đương tiền	7.551.122.522	-	-	7.551.122.522
Phải thu khách hàng, phải thu khác	314.952.146	-	-	314.952.146
Các khoản cho vay	6.381.752.280	-	-	6.381.752.280
	14.247.826.948	**-**	**-**	**14.247.826.948**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Scanned with CamScanner

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	338.809.870	1.300.783.151	-	1.639.593.021
	338.809.870	**1.300.783.151**	**-**	**1.639.593.021**
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	201.859.988	1.060.383.151	-	1.262.243.139
	201.859.988	**1.060.383.151**	**-**	**1.262.243.139**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng thành viên	393.228.188	408.205.056

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 chưa được soát xét.

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Hoàng Thị Yến	Hoàng Thị Yến	Bùi Văn Phượng

Scanned with CamScanner